TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/DS-ST
Ngày: 24 - 4 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Ông Lý Khắc Chung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 229/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ngân hàng KL; trụ sở: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường VTV, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc M là: ông Lê Trung V – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Trung V là: Ông Phạm Đông X – Chuyên viên xử lý nợ - Phòng xử lý nợ - Ngân hàng KL (theo Quyết định về việc ủy quyền thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý nợ số 510/QĐ-NHKL ngày 23/02/2024). Vắng mặt

- *Bị đơn:* ông Lê Thanh B, sinh năm 1978; cư trú tại: Tổ 05, khóm V, thị trấn CD, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2024 và lời khai của ông Phạm Đông X là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Thanh B có vay vốn của ngân hàng KL – Phòng giao dịch Tân Châu (gọi tắt Ngân hàng) số tiền 50.000.000đ, theo giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số: 95/17/HDVS/1202-3548 ngày 02/11/2017 (viết tắt Hợp đồng) với nội dung như sau: hạn mức thẻ 50.000.000đ, loại thẻ VISA CREDIT CLASSIC – KHONG TSBĐ, lãi suất vay theo hạn mức lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay 36 tháng, phương thức trả nợ theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế, điều kiện áp dụng theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ ông B đã vi phạm hợp đồng không trả nợ gốc, lãi và phí phát sinh. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 24/4/2025 ông B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 116.342.787đ, trong đó: nợ gốc còn lại 48.779.317đ, lãi phát sinh còn lại 39.807.803đ, phí phát sinh còn lại 27.755.677đ, đồng thời tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 25/4/2025 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết đến khi thanh toán dứt nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Lê Thanh B vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa ông Phạm Đông Xuyên là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có cung cấp bản tự khai nội dung thể hiện: Ngân hàng yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/4/2025 là 116.342.787đ (trong đó: Nợ gốc 48.779.317đ, tiền lãi 39.807.803đ, phí phát sinh 27.755.667đ), tiếp tục tính lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 25/4/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại nợ gốc vay, tiền lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng đã ký, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, hợp đồng tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Xét văn bản ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật và không có căn cứ thể hiện người được ủy quyền thuộc trường hợp không được tham gia ủy quyền. Vì vậy, việc ủy quyền của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.4] Tài liệu, chứng cứ Ngân hàng giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số: 95/17/HDVS/1202-3548 ngày 02/11/2017. Quá trình giải quyết vụ án ông B đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, không tham các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng giao nộp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2] Pháp luật áp dụng: Xét hợp đồng cấp thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và ông B được xác lập vào ngày 02/11/2017 tại thời điểm Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngân hàng và ông B xác lập hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế trên cơ sở tự nguyện, hình thức của hợp đồng bằng văn bản. Khi xác lập hợp đồng các bên đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, nội dung và mục đích của giao dịch không trái quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự, xét thấy hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng và ông B là phù hợp với quy định pháp luật, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

[3.2] Về nợ gốc: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng ngày 02/11/2017 số tiền ông B được cấp thẻ tín dụng là 50.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày cấp thẻ. Xét, ông B được cấp thẻ tín dụng ngày 02/11/2017, quá trình thực sử dụng thẻ ông B chỉ trả một phần nợ gốc, còn nợ lại 48.779.317đ đến nay đã quá thời hạn vay nhưng ông B không thanh toán. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả nợ gốc 48.779.317đ là phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Tại Hợp đồng ngày 02/11/2017 ông B chấp thuận tất cả điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, lãi suất tín dụng quốc tế được Ngân hàng ban hành và công bố công khai theo từng thời kỳ cụ thể lãi suất 28%/năm. Xét việc thỏa thuận về lãi suất và chi phí phát sinh giữa Ngân hàng và ông B là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, lãi suất từng thời kỳ được Ngân hàng công bố đúng theo quy định. Do đó, Ngân hàng khởi

kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B trả lãi phát sinh là 39.807.803đ, và phí phát sinh 27.755.677đ tính ngày 24/4/2025 và tiếp tục tính lãi và phí phát sinh kể từ ngày 25/4/2025 trên dư nợ gốc theo lãi suất thảo thuận tại Hợp đồng ngày 02/11/2017 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Tổng số tiền gốc, lãi và phí phát sinh ông B phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng là 116.342.787đ, trong đó: Nợ gốc 48.779.317đ, tiền lãi 39.807.803đ, phí phát sinh 27.755.667đ.

[4] Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp. Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KL đối với ông Lê Thanh B.

Buộc ông Lê Thanh B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng KL số tiền 116.342.787đ; trong đó: Nợ gốc 48.779.317đ (bốn mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm mười bảy đồng), tiền lãi 39.807.803đ (ba mươi chín triệu tám trăm lẻ bảy nghìn tám trăm lẻ ba đồng), phí phát sinh 27.755.667đ (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/4/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của nợ gốc 48.779.317đ (bốn mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm mười bảy đồng) theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số: 95/17/HDVS/1202-3548 ngày 02/11/2017. Trường hợp trong hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay

theo từng thời kỳ thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự:

Ông Lê Thanh B phải chịu 5.817.000đ (năm triệu tám trăm mười bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng KL được nhận lại 2.208.000đ (hai triệu hai trăm lẻ tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0009094 ngày 03/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang